

**Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020**



**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**MST: 0100686174**

**I. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2020**

**1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020:**

Năm 2020, Agribank hoàn thành toàn diện các mục tiêu kế hoạch, cụ thể:

a) Nguồn vốn tăng trưởng ổn định và bền vững, tiếp tục duy trì thị phần huy động vốn lớn nhất trong các ngân hàng thương mại, khẳng định mức độ tín nhiệm lớn của khách hàng đối với uy tín, thương hiệu không ngừng được nâng cao của Agribank. Đến 31/12/2020, tổng nguồn vốn huy động thị trường 1 đạt gần 1,5 triệu tỷ đồng, tăng 11,3% so cuối năm 2019, hoàn thành vượt kế hoạch năm 2020 (tăng 7% - 9%); giữ vai trò quan trọng định hướng lãi suất thị trường, giảm mặt bằng lãi suất đầu vào để giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp.

b) Tăng trưởng tín dụng đạt mục tiêu, tổng dư nợ cuối năm 2020 đạt trên 1,2 triệu tỷ đồng, tăng 8,1% so với năm 2019. Chất lượng tín dụng được bảo đảm, tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức 1,64%, hoàn thành mục tiêu kế hoạch được NHNN giao (dưới 2%).

Cơ cấu tín dụng tiếp tục chuyển dịch đúng định hướng, ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp nông thôn, sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên; Agribank tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách tín dụng của Chính Phủ: cho vay theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP; cho vay theo chính sách nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định 63,65,68/QĐ-TTg; cho vay ưu đãi lãi suất đối với huyện nghèo theo Nghị quyết 30a; chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, cho vay thủy sản... Đến 31/12/2020, dư nợ cho vay nông nghiệp nông thôn đạt trên 800 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 69,4% tổng dư nợ, góp phần thực hiện chính sách phát triển tam nông của Đảng, Nhà nước, chung tay cùng các cấp, các ngành hạn chế “tín dụng đen”...

c) Sản phẩm dịch vụ phát triển đa dạng, đặc biệt là các sản phẩm ngân hàng hiện đại và sản phẩm dành cho khách hàng khu vực NNNT, từng bước chuyển đổi mô hình kinh doanh từ phụ thuộc vào hoạt động tín dụng sang mô hình kinh doanh đa dịch vụ. Doanh thu hoạt động dịch vụ năm 2020 đạt 6.533 tỷ đồng<sup>1</sup>, hoàn thành mục tiêu kế hoạch.

d) Kết quả kinh doanh và nộp ngân sách nhà nước:

- Doanh thu tăng trưởng ổn định, năm 2020 tổng doanh thu đạt 131.266 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế đạt 12.966 tỷ đồng; Nộp ngân sách nhà nước (thuế TNDN) 2.583 tỷ đồng.

- Bên cạnh nhiệm vụ kinh doanh, Agribank tiếp tục thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, thể hiện vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp lớn với cộng đồng. Riêng năm 2020, Agribank đã chi 285 tỷ đồng cho các lĩnh vực giáo dục, y tế, xây nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, trạm y tế, đường giao thông nông thôn... góp phần đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống người dân, đồng thời tạo hình ảnh tích cực cho Agribank trong cộng đồng.

<sup>1</sup> Báo cáo tài chính riêng của Agribank năm 2020 đã kiểm toán.



**Bảng số 1: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Agribank**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện (bao gồm cả công ty con)
1	Nguồn vốn huy động TT1	Tỷ đồng	Tăng 7%-9%	1.454.036	1.451.352
2	Dư nợ cho vay nền kinh tế	Tỷ đồng	Tăng 6,5%-8,5%	1.212.625	1.213.958 <sup>2</sup>
3	Tỷ lệ cho vay NNNT	%	Từ 65%-70%	69,4%	69,4%
4	Tỷ lệ nợ xấu (Theo TT02)	%	≤2%	1,64%	1,64%
5	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	126.760	131.266	132.852
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12.200	12.966	13.203
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9.760	10.383	10.517
8	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	5.913	7.774	7.982
9	Sản phẩm dịch vụ công ích	Tỷ đồng	400	285	285
10	Tổng lao động (chưa gồm NQLDN)	Người	37.971	37.509	38.744
11	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	11.818	11.673	12.070
-	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	17	15	38
-	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	11.801	11.658	12.032

**2. Thuận lợi và khó khăn chủ yếu:****a) Thuận lợi:**

Agribank luôn nhận được sự chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan, bộ ngành trung ương và địa phương. Các chủ trương, chính sách của Ban lãnh đạo Agribank được triển khai phù hợp, được ủng hộ, tin tưởng, thống nhất cao trong toàn hệ thống.

**b) Khó khăn:**

- Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường, tác động toàn diện tới nền kinh tế và đời sống của nhân dân, ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng cũng như của Agribank, tăng trưởng tín dụng thấp hơn năm trước do nhu cầu vốn của khách hàng suy giảm. Bên cạnh đó mưa lũ kéo dài trên diện rộng tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên gây thêm nhiều khó khăn.

- Agribank hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, việc tăng vốn chủ yếu từ Ngân sách Nhà nước nhưng chậm được cấp, quy mô vốn điều lệ thấp nhất trong nhóm 4 NHTM lớn nhất Việt Nam và tăng chậm so với tốc độ tăng quy mô hoạt động kinh doanh, chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực tài chính và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn mực vốn Basel II dẫn đến hạn chế khả năng mở rộng huy động vốn, đầu tư tín dụng nhằm nỗ lực thực hiện “mục tiêu kép” của Chính Phủ.

**II. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án****1. Tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công):**

<sup>2</sup> Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất của Agribank năm 2020 đã kiểm toán.



**Bảng số 2: Tình hình thực hiện đầu tư của Agribank**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
	Dự án quan trọng quốc gia	0					
	Dự án nhóm A	0					
	Dự án nhóm B	34	3,696	3,696	0	0	1,806

**2. Các khoản đầu tư tài chính:**

Đến cuối năm 2020, tổng các khoản đầu tư tài chính (chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán, chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty con, vốn góp liên doanh, góp vốn, đầu tư dài hạn khác) của Agribank là 102.289 tỷ đồng.

**III. Tình hình đầu tư tại các công ty con****Bảng số 3: Tình hình đầu tư và sản xuất kinh doanh tại các công ty con**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Tổng vốn đầu tư của Agribank	Tổng tài sản	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	LN nộp Agribank (*)	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tổng nợ phải trả
<b>1 Các công ty con do Agribank nắm giữ 100% vốn điều lệ</b>										
1.1	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Agribank	350	288,2	443,3	294,9	20,4	15,2	-	28,8	48,8
1.2	Công ty Cho thuê Tài chính I	200	172,1	72,4	32,3	-127,4	-127,4	-	5,7	590,4
1.3	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank	30	30	44,8	27,8	7,2	5,8	-	4	9,1
<b>2 Các công ty con do Agribank nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</b>										
2.1	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp	2.120	1.250,9	2.286,4	226,5	121	96,8	-	47,7	189,8
2.2	Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp	380	195,8	2.987,8	1.841,1	366,4	293	-	127,8	1.942,9

**\*Ghi chú:**

- Đối với các công ty con do Agribank sở hữu 100% vốn điều lệ: HĐQT đang xem xét phê duyệt quyết toán kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2020 của các công ty làm căn cứ để các công ty nộp lợi nhuận về Agribank;

- Công ty con do Agribank nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: CTCP Bảo hiểm NHNo: ĐHCĐ thường niên năm 2021 đã thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức là 18%, trong đó 4% bằng tiền, 14% bằng cổ phiếu. Hiện ABIC đang thực hiện thủ tục để chi trả cổ tức cho các cổ đông.